

Bản án số: **121/2024/HSST**
Ngày 11-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Như;
2. Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thuý Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 116/2024/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HS ngày 29/8/2024 đối với bị cáo: **Trần Minh T**; giới tính: Nam; sinh ngày: 17/02/1993 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn H; Sinh năm: 1964 (đã chết); và bà Lê Thị Tường V1; Sinh năm: 1970; hiện trú tại: Khu phố H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; anh chị em ruột có 02 người; bị cáo là con thứ đầu; vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/02/2024 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đến nay, có mặt.

2. Bị hại:

- Anh Võ H1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Phùng Thị H2, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố F, Phường E, thành

phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Chị Trương Thị L (*tên gọi khác: L1*), sinh năm 1985; địa chỉ: V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Võ Văn B, sinh năm 1996; HKTT: Thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Số D N, Khu phố C, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Thế H3, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 73b H, Khu phố C, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Bình N, sinh năm 1982; địa chỉ Khu phố D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Võ Đức H4, sinh năm 1984; địa chỉ: Số D Đ, Khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1981; địa chỉ: V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Nhan Thị Kiều N2, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Lê Thị Tường V1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T làm việc tại quán B1; địa chỉ số A đường N thuộc khu phố E, Phường A, thành phố Đ có mối quan hệ quen biết, cùng làm việc với anh Võ H1, bà Phùng Thị H2, chị Trương Thị L và anh Võ Văn B. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên trong các ngày 24/02 và 25/02/2024, Trần Minh T đã có 04 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh H1 và anh B, chị L và bà H2, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 24/02/2024, Trần Minh T nảy sinh ý định mượn xe mô tô của anh Võ H1 để đem đi làm tin mượn tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện hành vi của mình, T đưa ra thông tin giả nói mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 74C1 – 286.11 của anh H1 để đi nhận với bạn. Anh H1 tin tưởng nên giao chiếc xe mô tô trên cho T. Sau khi nhận được xe mô tô, T liền điều khiển xe đến gặp anh Ngô Thế H3 hỏi mượn số tiền

3.500.000 đồng và nói với anh H3 gửi lại chiếc xe của người thân trong gia đình Trung để làm tin.

Vụ thứ 2: Với phương thức, thủ đoạn như trên, vào khoảng 02 giờ ngày 25/02/2024, T quay lại quán B1 gặp chị Phùng Thị H2. T giả vờ hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 74C1 – 08468 của chị H2 nói là để chở người bạn bị tai nạn đi bệnh viện cấp cứu. Chị H2 tin tưởng nên giao chiếc xe mô tô trên cho T. Sau đó, T đưa xe đi cầm cố nhưng vì chưa kiếm được chỗ để cầm cố chiếc xe mô tô trên nên T đưa xe về quán B1. Đến khoảng 12 giờ 45 cùng ngày, T điều khiển chiếc xe mô tô trên đến gặp Ngô Thế H3 hỏi mượn tiền nhưng anh H3 không có tiền nên anh H3 giới thiệu T đến gặp anh Nguyễn Bình N mượn tiền. Vì không quen anh N nên T nhờ anh H3 đi cùng đến khu vực ga Đ gặp anh N. T hỏi mượn anh N số tiền 5.000.000 đồng rồi giao chiếc xe mô tô lại để làm tin.

Vụ thứ 3: Khoảng 07 giờ ngày 25/02/2024, T tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản đem đi làm tin để tiền. T đến quán “Cơm Nhà” địa chỉ: Số H H, thành phố Đ gặp chị Trương Thị L, T giả vờ hỏi mượn chị L chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu đỏ nâu, biển kiểm soát: 74D1 – 307.84 để chở em gái đi khám bệnh (*Là xe của anh Hoàng Văn N1 chồng chị L*). Chị L tin tưởng nên giao chiếc xe mô tô trên cho T. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T điều khiển chiếc xe mô tô trên đến gặp Ngô Thế H3 hỏi mượn tiền nhưng anh H3 không có tiền. T nhờ anh H3 tìm giúp chỗ mượn tiền và dùng xe mô tô trên để làm tin. Anh H3 điều khiển chiếc xe mô tô của T giao đến gặp anh Võ Đức H4 hỏi mượn 20.000.000 đồng và để chiếc xe mô tô trên lại để làm tin. Sau khi mượn được tiền thì anh H3 quay lại đưa số tiền trên cho T.

Vụ thứ 4: Khoảng 13 giờ ngày 25/02/2024, T tiếp tục nảy sinh ý định mượn xe mô tô của Võ Văn B đem đi mượn tiền và để chiếc xe mô tô trên lại để làm tin. T đến quán B1 để gặp anh B và giả vờ hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu bạc đen, biển kiểm soát: 74D1 – 061.77 để đi giải quyết công việc cá nhân (*là xe của chị Nhan Thị Kiều N2*). Anh B tin tưởng nên giao chiếc xe mô tô trên cho T. T liền điều khiển xe mô tô trên đến gặp Ngô Thế H3 hỏi mượn số tiền 3.500.000 đồng và nói với anh H3 để lại chiếc xe của người thân trong gia đình lại làm tin.

Toàn bộ số tiền có được Trần Minh T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 405/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74C1-084.86. Trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu đỏ nâu, biển kiểm soát 74D1-307.84. Trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 31.014.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu bạc- đen, biển kiểm soát 74D1-061.77. Trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 74C1-286.11. Trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74C1-084.68 số máy JF46E4017163, số khung: RLHJF4603DY508861;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu đỏ nâu, biển kiểm soát 74D1-307.84 số máy JF87E5203904, số khung: 5152KZ093208;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu bạc đen, biển kiểm soát 74D1-061.77 số máy 5C63658570, số khung: C630CY658517;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74C1-286.11 số máy 5C6J165218, số khung: RLCS5C6J0FY165210.

Tại Bản Cáo trạng số 118/CT-VKS-ĐH ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 27 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là hoàn toàn sai trái, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên đã thực hiện điều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 24/02/2024 đến 25/02/2024, Trần Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật để người khác tin tưởng giao tài sản cho T nhằm để chiếm đoạt tài sản là 04 xe mô tô của anh Võ H1, bà Phùng Thị H2, chị Trương Thị L và anh Võ Văn B. Tài sản Trần Minh T chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận có tổng giá trị **60.014.000** đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật quy định khung hình phạt: *Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

[3] Xét về tính chất hành vi của bị cáo: Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, có nhận thức và hiểu biết pháp luật, nhưng lười lao động, thích hưởng thụ. Trong một thời gian rất ngắn, bị cáo đã thực hiện liên tiếp bốn hành vi phạm tội, với mong muốn đưa đi làm tin để vay mượn số tiền lớn. Thậm chí, khi chưa tìm được chỗ để đưa tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ, bị cáo vẫn tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt thêm tài sản khác. Hành vi của bị cáo rất liều lĩnh, manh động, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh với hình phạt tù có thời hạn nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, đã vận động gia đình hoàn trả lại số tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bố bị cáo là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương *“Chiến sỹ vẻ vang”* hạng ba; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Mặc dù bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, manh động, nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị hại đều tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt nên cần xem xét xử cho bị cáo ở mức hình phạt thấp theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Thời hạn tạm giam của bị cáo còn 45 ngày nên tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam số 121 ngày 14/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đối với việc Ngô Thế H3, là người cho T mượn tiền và nhận các xe mô tô do T để lại làm tin cũng như giới thiệu, mượn tiền giúp T và để xe mô tô do T chiếm đoạt lại tại anh N, anh H2 để làm tin. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã điều tra Ngô Thế H3 có dấu hiệu của tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” hay không. Tuy nhiên, giữa T và H3 không có thỏa thuận trước và H3 không hưởng lợi từ việc nhận giữ các xe mô tô cũng như giới thiệu đến những người khác mượn tiền. Khi mang các xe mô tô đến để gửi lại để mượn tiền, T không nói cho H3 biết đây là tài sản do phạm tội mà có, T chỉ nói với H3 các tài sản trên là của người thân của T. Hiện chưa chứng minh được việc H3 biết rõ các xe mô tô do T đưa đến là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ sẽ tiếp tục điều tra, chứng minh, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý hành vi của Ngô Thế H3 theo quy định.

[5] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

Trong quá trình điều tra, ngày 18/3/2024, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 348/QĐ-ĐCSHS, xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phùng Thị H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74C1-084.68 số máy JF46E4017163, số khung: RLHJF4603DY508861; anh Hoàng Văn N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu đỏ nâu, biển kiểm soát 74D1-307.84 số máy JF87E5203904, số khung: 5152KZ093208; chị Nhan Thị Kiều N2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu bạc đen, biển kiểm soát 74D1-061.77 số máy 5C63658570, số khung: C630CY658517 và anh Võ H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74C1-286.11 số máy 5C6J165218, số khung: RLCS5C6J0FY165210. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không ai yêu cầu bồi thường thêm gì nên không xem xét, giải quyết.

Bà Lê Thị Tường V1 đã hoàn trả cho anh Ngô Thế H3: 7.000.000 đồng; anh Nguyễn Bình N: 5.000.000 đồng và anh Võ Văn H5 20.000.000 đồng. Nay, bà V1 không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 32.000.000 đồng nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Minh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trần Minh T: 27** (*Hai mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2024.

2. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người CQL, NVLQ;
- Lưu: HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương